

Số: 11/BTTVSH-2025

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN SÔNG HỒNG - THÁI BÌNH

I. MỨC NƯỚC TẠI CÁC TRẠM

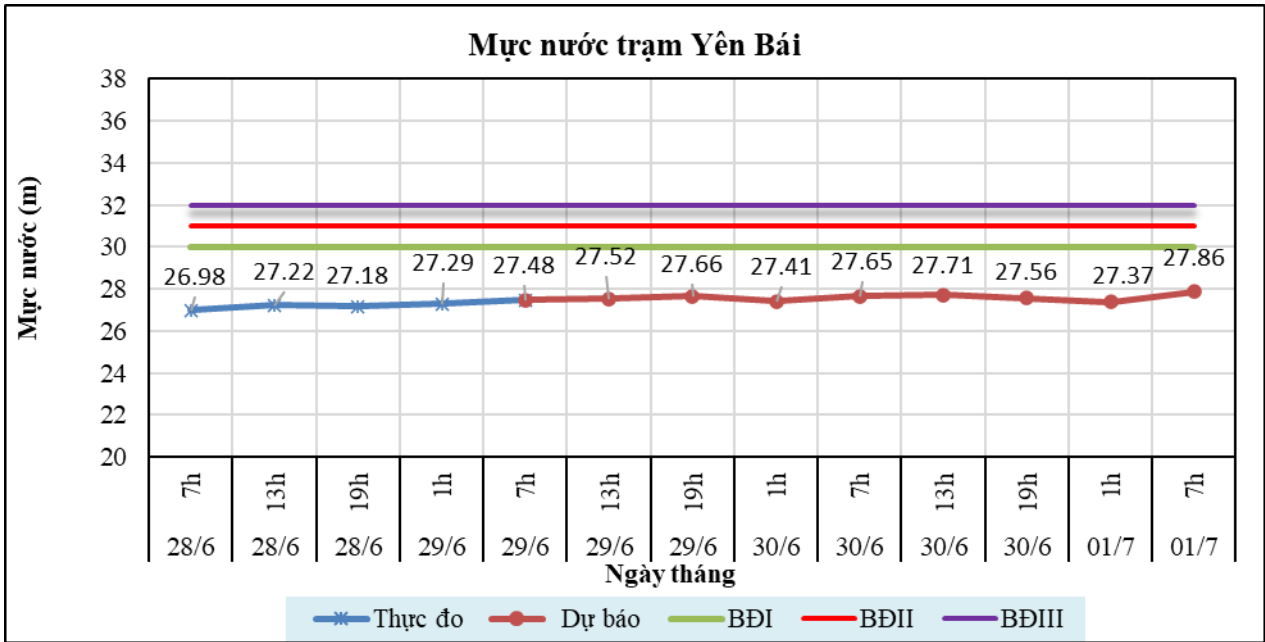
I.1. Trạm Yên Bái

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 1: Mức nước trạm Yên Bái

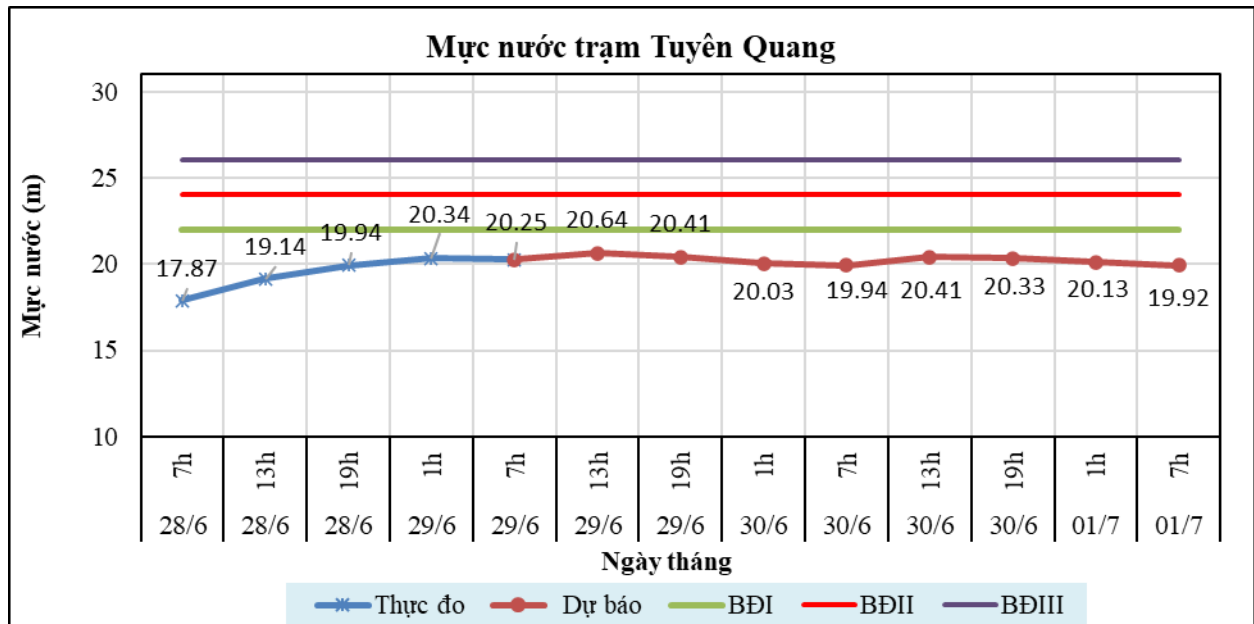
I.2. Trạm Tuyên Quang

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ chứa.



Hình 2: Mức nước trạm Tuyên Quang

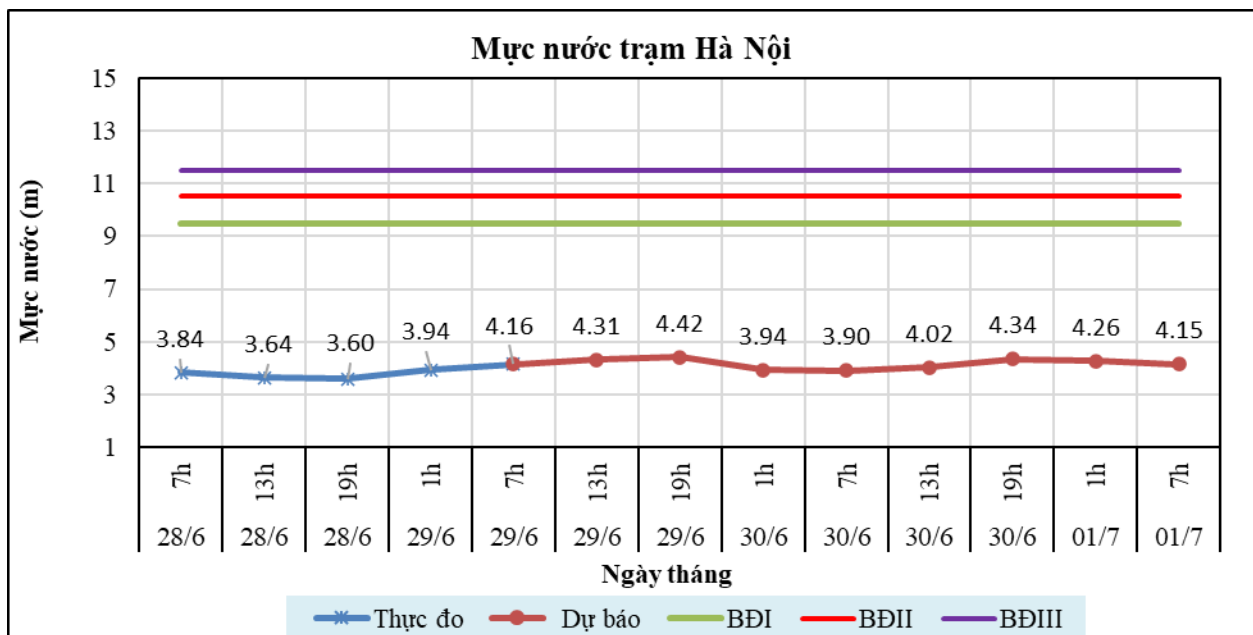
I.3. Trạm Hà Nội

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 3: Mức nước trạm Hà Nội

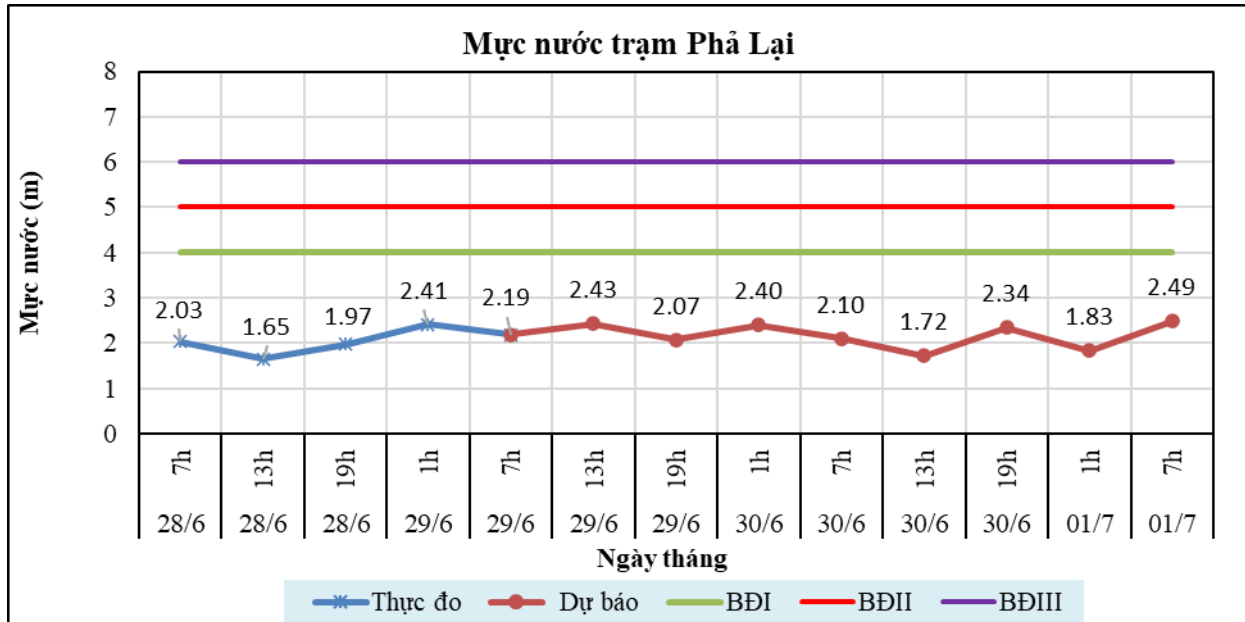
I.4. Trạm Phả Lại

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 4: Mức nước trạm Phả Lại

II. DỰ BÁO LƯU LƯỢNG, MỨC NƯỚC CÁC HỒ CHỨA

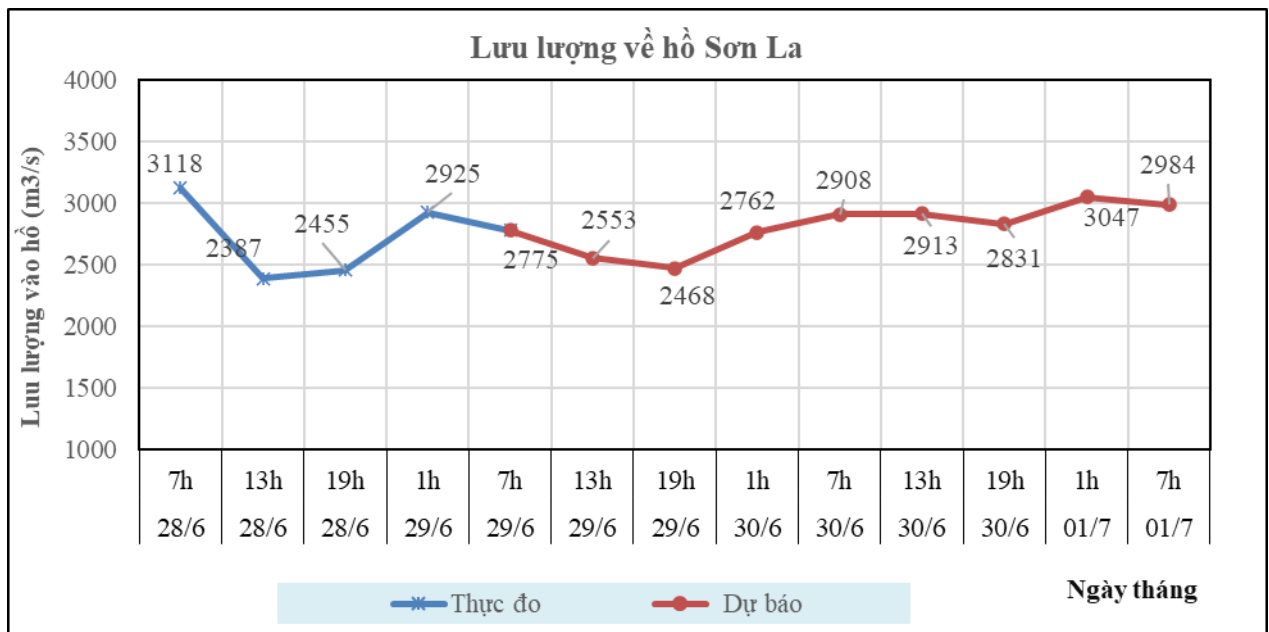
II.1. Hồ Sơn La

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

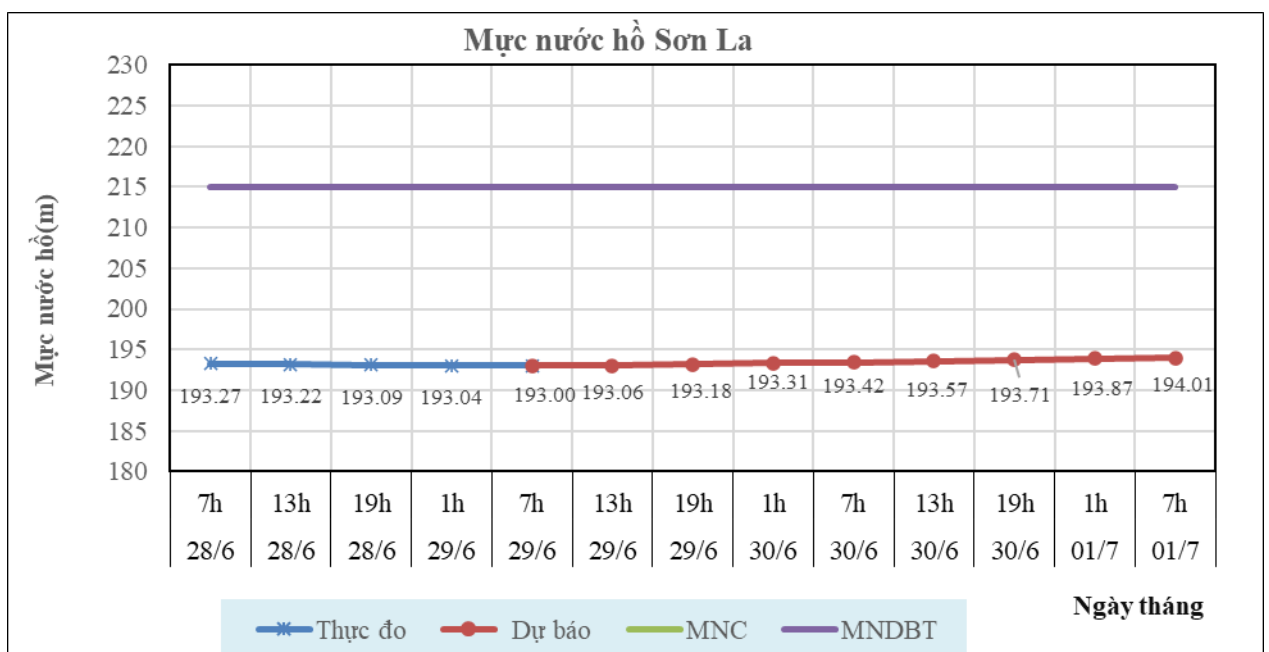
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 29/06/2025 đạt 2775m³/s, mực nước hồ đạt 193.00m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 2908m³/s, mực nước hồ 193.42m, 48h tới lưu lượng đạt 2984m³/s, mực nước đạt 194.01m.



Hình 5: Lưu lượng hồ Sơn La



Hình 6: Mức nước hồ Sơn La

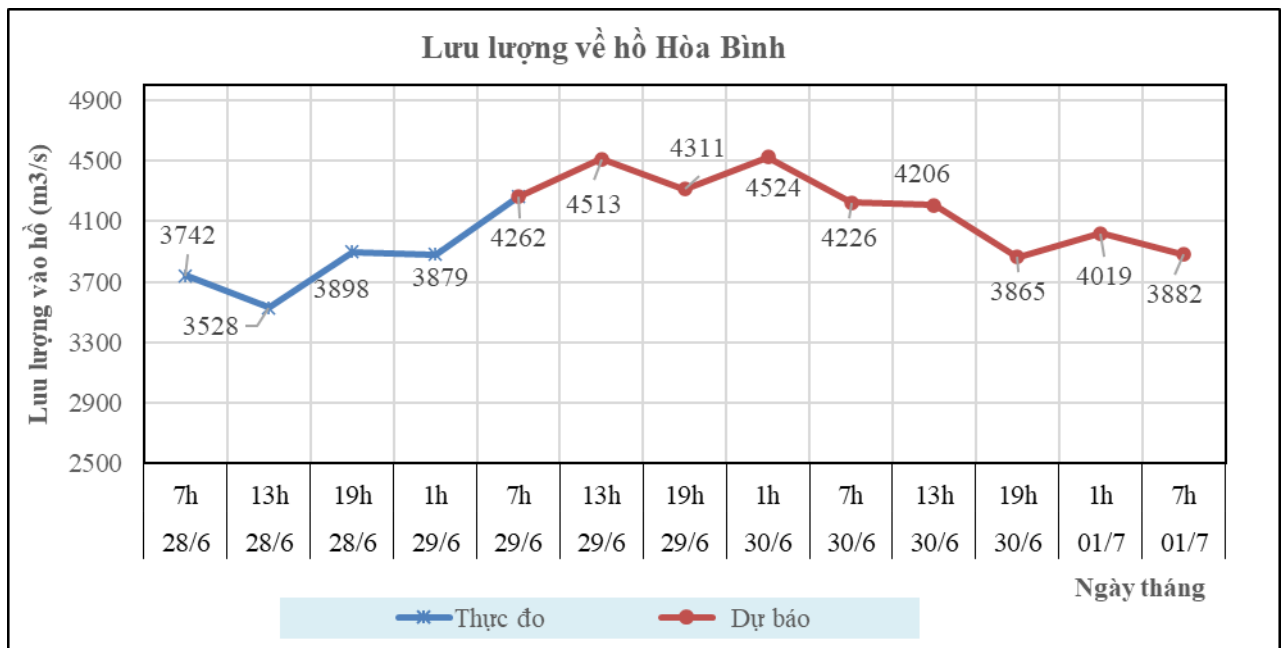
II.2. Hồ Hòa Bình

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

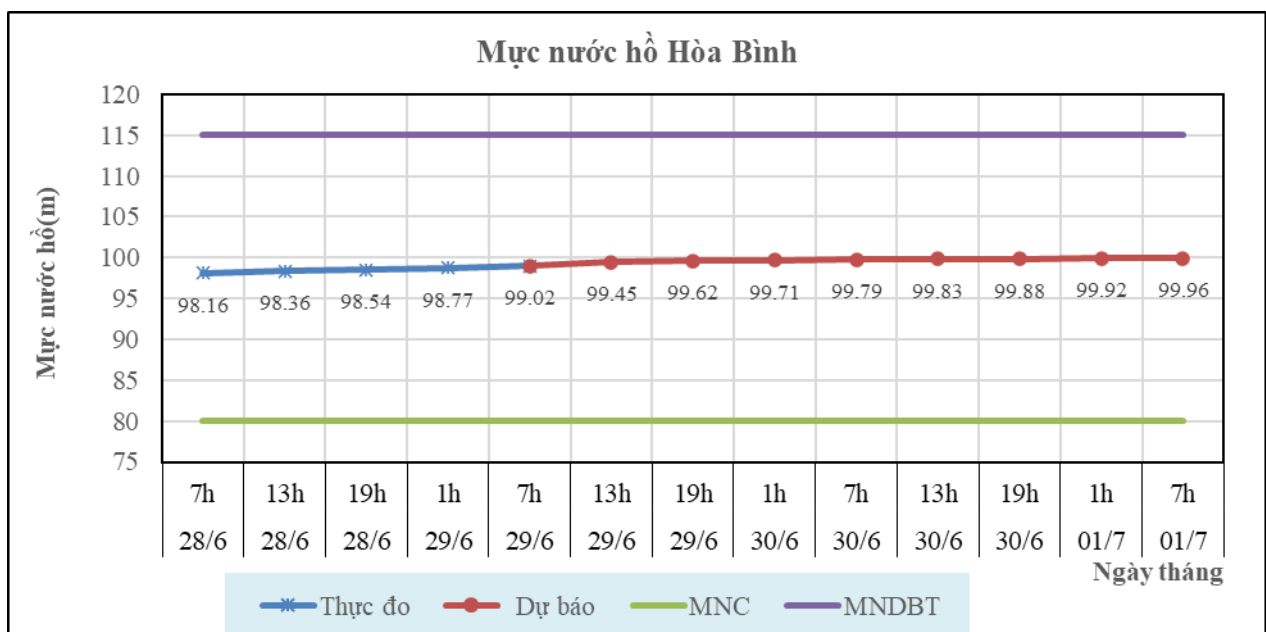
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 29/06/2025 đạt 4262m³/s, mực nước hồ đạt 99.02m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 4226m³/s, mực nước hồ 99.79m, 48h tới lưu lượng đạt 3882m³/s, mực nước đạt 99.96m.



Hình 7: Lưu lượng hồ Hòa Bình



Hình 8: Mức nước hồ Hòa Bình

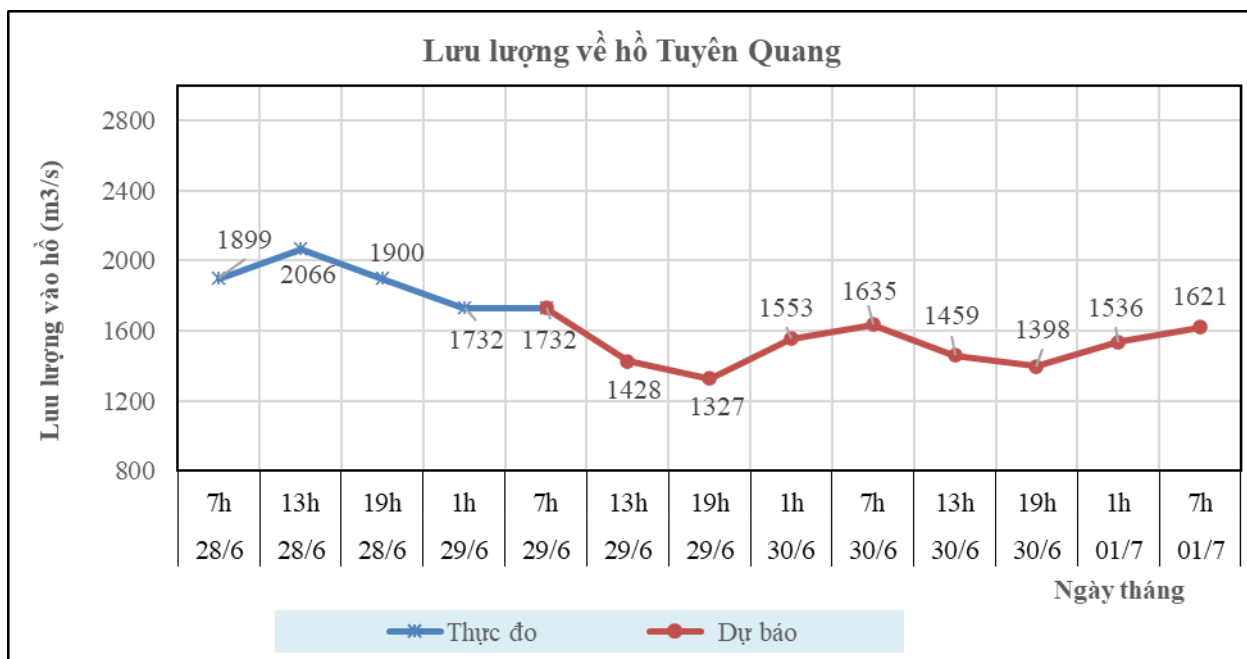
II.3. Hồ Tuyên Quang

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

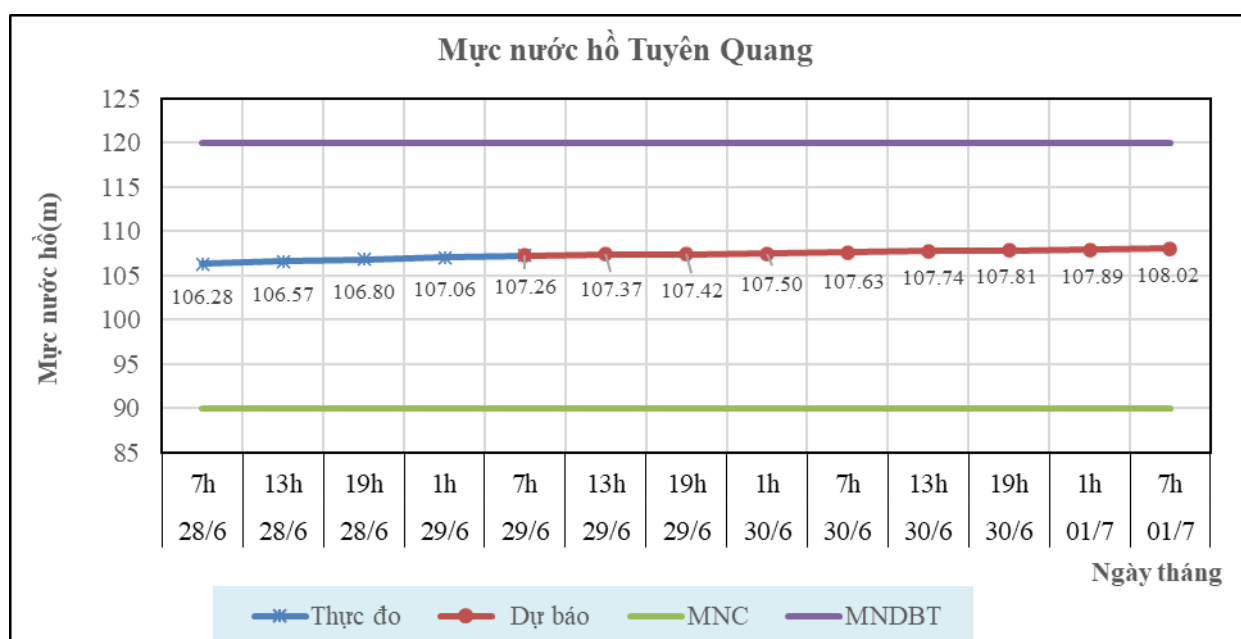
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 29/06/2025 đạt 1732m³/s, mực nước hồ đạt 107.26m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 1635 m³/s, mực nước hồ 107.63m, 48h tới lưu lượng đạt 1621m³/s, mực nước đạt 108.02m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Tuyên Quang



Hình 10: Mức nước hồ Tuyên Quang

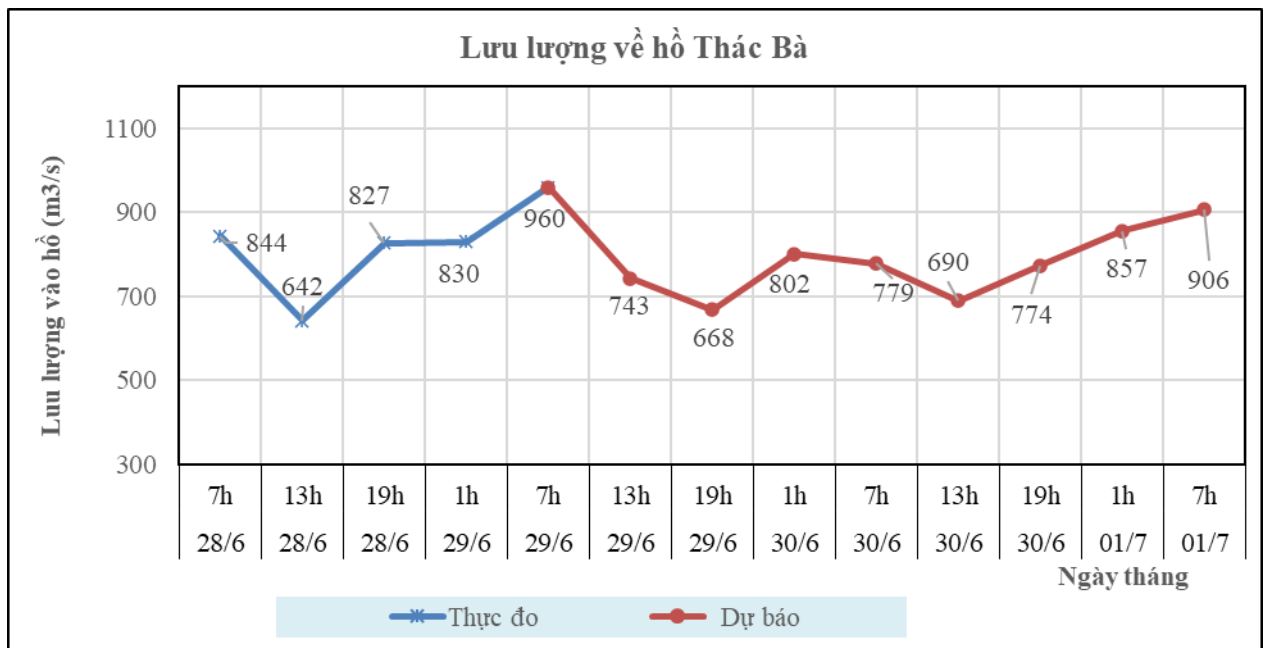
II.4. Hồ Thác Bà

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

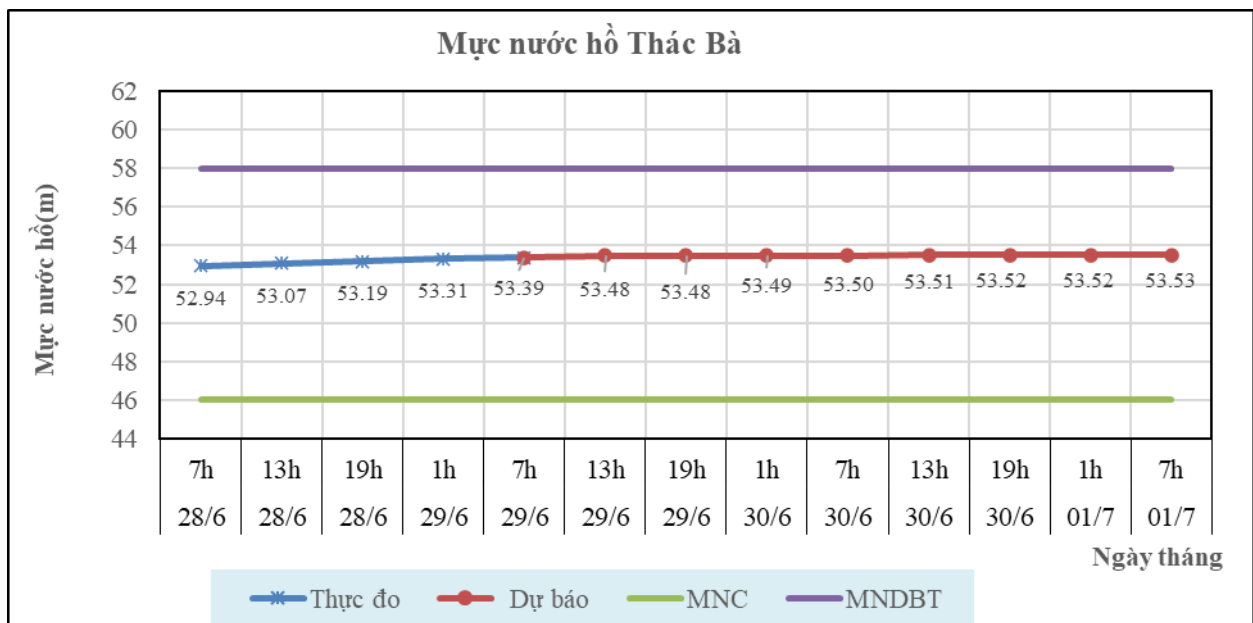
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 29/06/2025 đạt 960m³/s, mực nước hồ đạt 53.39m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 779m³/s, mực nước hồ 53.50m, 48h tới lưu lượng đạt 906m³/s, mực nước đạt 53.53m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Thác Bà



Hình 10: Mức nước hồ Thác Bà

III. TƯ VẤN VẬN HÀNH HỆ THỐNG HỒ CHỨA

Theo hiện trạng hồ chứa, tình hình thời tiết và xu thế lũ, Viện KH KTTV & BDKH kiến nghị thực hiện vận hành hệ thống chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1: Tư vấn vận hành hệ thống hồ chứa trên lưu vực sông Hồng – Thái Bình

STT	Ngày	Giờ	Hồ Sơn La					Hồ Hòa Bình					Hồ Tuyên Quang					Hồ Thác Bà				
			Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)
1	29/06/2025	13h	0	0	2553	1400	193.06	0	0	4513	1024	99.45	1	0	1428	1235	107.37	0	0	743	289	53.48
2		19h	0	0	2468	1432	193.18	0	0	4311	1242	99.62	1	0	1327	1235	107.42	0	0	668	289	53.48
3	30/06/2025	1h	0	0	2762	1420	193.31	0	0	4524	1242	99.71	1	0	1553	1235	107.50	0	0	802	289	53.49
4		7h	0	0	2908	1605	193.42	0	0	4226	1352	99.79	1	0	1635	1235	107.63	0	0	779	289	53.50
5		13h	0	0	2913	1563	193.57	0	0	4206	1352	99.83	1	0	1459	1235	107.74	0	0	690	289	53.51
6		19h	0	0	2831	1488	193.71	0	0	3865	1352	99.88	1	0	1398	1235	107.81	0	0	774	289	53.52
7	01/07/2025	1h	0	0	3047	1523	193.87	0	0	4019	1352	99.92	1	0	1536	1235	107.89	0	0	857	301	53.52
8		7h	0	0	2984	1795	194.01	0	0	3882	1352	99.96	1	0	1621	1235	108.02	0	0	906	301	53.53